TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HS-PT
Ngày 17 - 02 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1112/2024/TLPT-HS ngày 06/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXPT-HS ngày 20/01/2025 đối với bị cáo Đèo Ngọc T. Do có kháng cáo của bị cáo Đèo Ngọc T và bị hại Ngân hàng TMCP Á đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Đèo Ngọc T, sinh năm 1980 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông Đèo Văn C và bà Lương Thị T1; vợ Trần Thị Trâm A và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 10/HSST ngày 29/10/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 08 năm tù về tội "Hiếp dâm".

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Thị Kim L – Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: Lô E khu Q, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

- *Bị hại kháng cáo:* Ngân hàng TMCP Á;

Địa chỉ trụ sở: D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đức H, sinh năm 1998; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ; nơi cư trú: 762 H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (văn bản uỷ quyền ngày 20/9/2024) (Có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng liên quan đến kháng cáo:*

+ Phạm nhân Hoàng Thị Bích C1, sinh năm 1979 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quyết định Thi hành án hình phạt số 172/2024/QĐ-CA ngày 04/11/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng với mức hình phạt 16 (mười sáu) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2023 (Có mặt).

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

(Trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2017 đến tháng 3 năm 2018, các bị cáo Hoàng Thị Bích C1, Đèo Ngọc T thực hiện hành vi lừa đảo và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 10/2017, Hoàng Thị Bích C1 được chồng là Trần Đức H1 (hiện nay đã chết) nói cho biết về việc có một người đàn ông tên Tuấn A1 (không rõ nhân thân lai lịch) nói với H1 là hiện Tuấn A1 được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp dư cho Tuấn A1 một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận này có thể dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng nhưng không thực hiện việc giao dịch mua bán, chuyển nhượng. Đối tượng Tuấn A1 đề nghị bán giấy chứng nhận này cho Trần Đức H1 với gía 50 triệu đồng, để H1 sử dụng vay vốn ngân hàng. Do cần tiền để đầu tư sản xuất, Trần Đức H1 và Hoàng Thị Bích C1 đã bàn bạc và thống nhất mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của đối tượng Tuấn A1. Sau khi đồng ý mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đối tượng tên Tuấn A1 thì C1 đã liên lạc và nhờ Đèo Ngọc T (là em rể của chồng C1) đứng tên dùm thì Thông đồng ý.

Theo yêu cầu của C1, T đã đưa bản phô tô giấy CMND, sổ hộ khẩu của T cho C1 để vợ chồng C1 đưa lại cho Tuấn A1 làm giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi cung cấp các thông tin của Đèo Ngọc T cho đối tượng Tuấn A1 thì Tuấn A1 đưa lại cho C1 01 giấy chứng nhận QSD đất đề số hiệu AD 907981 có ghi nhận các nội dung: *"Tên người sử dụng đất: Đèo Ngọc T, sinh năm 1980, CMND số 250438532, địa chỉ thường trú thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; thửa đất được quyền sử dụng: Thửa đất số 572, tờ bản đồ số 20, địa chỉ TDP Y, TT Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, diện tích 3790 m^2, được UBND huyện L cấp ngày 19/5/2009".* Vợ chồng C1 đã trả cho đối tượng Tuấn A1 số tiền 50 triệu đồng để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên.

Sau khi có Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 907981, Hoàng Thị Bích C1 tiếp tục nhờ T đem đi thế chấp vay vốn ngân hàng, hai bên thỏa thuận thống nhất về việc T sẽ đứng ra ký các giấy tờ liên quan đến thủ tục vay, còn tiền trả lãi hàng tháng và tiền nợ gốc sẽ do vợ chồng C1 chịu trách nhiệm trả, C1 và T đến Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G nộp hồ sơ đề nghị vay thế chấp. Để đối phó với việc nhân viên Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G đi thẩm định tài sản thế chấp nên Hoàng Thị Bích C1 đã dẫn Đèo Ngọc T đến một thửa đất phía sau Trường THPT L5 thuộc tổ dân phố Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, trên diện tích đất này có một căn nhà xây, một dãy phòng trọ và một sân bóng nhân tạo và chỉ cho T biết đây là tài sản được ghi nhận trong Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 907981 mà vợ chồng C1 nhờ T đứng tên dùm, nếu nhân viên ngân hàng đi thẩm định tài sản thế chấp thì dẫn nhân viên ngân hàng vào thẩm định tại thửa đất này.

Theo chỉ dẫn từ trước của C1, T đã dẫn nhân viên Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G thẩm định đúng vào tài sản nhà đất nêu trên. T nói dối nhân viên ngân hàng tài sản được thẩm định là tài sản của Đèo Ngọc T và đề nghị được thế chấp tài sản này để vay vốn ngân hàng lấy tiền đầu tư sản xuất. Tin tưởng vào những thông tin do T cung cấp và quá trình thẩm định nhân viên ngân hàng không phát hiện được tài sản nhà đất T chỉ cho nhân viên ngân hàng là tài sản giả mạo, vì vậy, sau khi thẩm định, Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G đồng ý cho Đèo Ngọc T thế chấp vay với số tiền 700.000.000đ.

Ngày 27/10/2017, Hoàng Thị Bích C1 đưa bản gốc Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 907981 cho Đèo Ngọc T để T nộp vào Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G làm thủ tục vay. Sau đó, T đã làm các thủ tục liên quan đến việc thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất số AD 907981 tại Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G, sử dụng Giấy chứng nhận QSD đất số AD 907981 để làm thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp tại Văn phòng C2, địa chỉ: C QL B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Cùng ngày, T được Ngân

hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G giải ngân cho vay số tiền 700 triệu đồng theo khế ước nhận nợ số 1205-LDS-20170885.

Sau khi thế chấp tài sản giả mạo, chiếm đoạt được 700 triệu của Ngân hàng TMCP X1, T đã đưa lại toàn bộ số tiền 700 triệu đồng cho C1 sử dụng, sau đó hàng tháng vợ chồng C1 thực hiện việc trả tiền lãi và trả nợ gốc cho khoản vay của Thông qua tài khoản của T lập tại TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G. Tính đến trước ngày 30/4/2020 Hoàng Thị Bích C1 đã trả cho Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G tổng cả gốc và lãi vay là 300.465.375đ. Đến tháng 5/2020, do làm ăn thua lỗ nên C1 không thực hiện việc trả nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP X1, vì vậy Ngân hàng TMCP X1 đã tiến hành xác minh, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn vay thì phát hiện có dấu hiệu giả mạo. Ngân hàng TMCP X1 đã gửi đơn tố cáo hành vi vi phạm của Đèo Ngọc T đến Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L để xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi làm việc với cơ quan chức năng Đèo Ngọc T đã trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4 - Phòng G gồm cả lãi và gốc đối với khoản vay thế chấp 700 triệu đồng.

Kết quả giám định kết luận: Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 907981 là thật, không bị cắt ghép, hình dấu có nội dung "U.B.N.D HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG" cùng chữ ký mang tên "Trần Văn T2" (Phó chủ tịch UBND huyện L) là hoàn toàn phù hợp với các đặc điểm của tài liệu thật.

Mục "II – Thửa đất được quyền sử dụng" trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AD 907981, tại vị trí 3640m^2 đã bị cạo sửa, in lại, không xác định được nội dung ban đầu. Nội dung tại mục "V – Sơ đồ thửa đất" trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AD 907981 bị cạo sử, không xác định được nội dung ban đầu. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đèo Ngọc T trong các tài liệu gồm: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn kết quả, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, phiếu yêu cầu công chứng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa ông Đèo Ngọc T với Ngân hàng TMCP X1 – Phòng G - Chi nhánh L4 là chữ ký, chữ viết của bị cáo Đèo Ngọc T.

Vụ thứ 2: Vào tháng 3/2018, Hoàng Thị Bích C1 cần vốn để đầu tư xây dựng trại gà nên có bàn bạc thống nhất với chồng là Trần Đức H1 về việc mua giấy chứng nhận QSDĐ giả để thế chấp vay vốn ngân hàng, lấy vốn đầu tư trại gà. Do trước đó, vợ chồng C1 đã thực hiện việc mua giấy CNQSD đất giả và nhờ Đèo Ngọc T đứng tên để vay ngân hàng nhưng không bị phát hiện. Vợ chồng C1 thống nhất nhờ chú ruột của C1 là ông Hoàng Văn X, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đứng tên tài sản trong giấy chứng nhận QSD đất giả để thực hiện việc vay thế chấp lấy số tiền 1,2 tỷ đồng.

Sau khi bàn bạc, thống nhất H1 là người liên hệ mua giấy CNQSD đất giả, C1 là người đề nghị ông X đứng tên dùm tài sản theo giấy CNQSD đất giả, để ông X tin tưởng, C1 nói dối ông X về việc vợ chồng C1 có nhiều tài sản nên nhờ ông X đứng tên dùm một thửa đất, chính là thửa đất ông X đang làm công cho C1 tại xã P, huyện L. Do là quan hệ chú cháu và tin tưởng vào những nội dung mà C1 cung cấp là thật nên ông X đồng ý với đề nghị của C1, theo yêu cầu của C1, ông X đưa giấy CMND của ông X cho C1 và C1 đưa lại cho H1 để lấy thông tin đưa cho đối tượng làm giả giấy CNQSD đất giả, sau đó H1 mang về một Giấy chứng nhận QSD đất giả đề số hiệu AD 930150 do Hoàng Văn X đứng tên, chủ sử dụng 68. 452m ^{2} tại thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi có giấy chứng nhận QSD đất, C1 cho ông X xem và đề nghị ông X thực hiện việc thế chấp giấy chứng nhận vay vốn ngân hàng A2, 2 tỷ đồng giúp C1 để lấy vốn đầu tư trại gà. Ông X đồng ý với đề nghị của C1 vì cho rằng tài sản là của vợ chồng C1 nên ông X không xem, cũng không quan tâm nội dung giấy chứng nhận QSD đất ghi nhận nội dung gì.

Sau khi ông X đồng ý, C1 nhờ người làm dịch vụ môi giới (không rõ nhân thân lai lịch) vay thế chấp liên hệ tìm ngân hàng để thực hiện việc vay thế chấp. Theo đề nghị của người môi giới, C1 đồng ý trả cho người môi giới số tiền 50 triệu đồng để giúp C1 thực hiện việc vay thế chấp. Sau đó người môi giới tự liên hệ và nộp hồ sơ đề nghị vay thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á -- Chi nhánh L4 và có thông báo lại cho C1 biết. Sau khi nộp hồ sơ đề nghị vay thế chấp, ông X được nhân viên Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 liên lạc để thực hiện việc thẩm định hồ sơ vay thế chấp, ông X thông báo lại nội dung này cho C1 biết thì được C1 hướng dẫn ông X đưa nhân viên Ngân hàng vào thửa đất ông X đang làm công cho gia đình C1 tại xã P, huyện L để thực hiện việc thẩm định tài sản thế chấp. Thửa đất này tại thời điểm thẩm định thì C1 đang nhờ Đèo Ngọc T đứng tên chủ sử dụng và đang được T thế chấp vay vốn tại Ngân hàng B - Phòng G. Theo chỉ dẫn của C1, ông X đã dẫn nhân viên Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 đến thửa đất nêu trên và nói đây là đất của ông X để cho nhân viên ngân hàng thực hiện việc thẩm định tài sản thế chấp.

Sau khi thẩm định, Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 đồng ý cho ông X vay số tiền 1,2 tỷ đồng. Theo yêu cầu của ngân hàng thì phải có cả hai vợ chồng ký hồ sơ nên C1 đã liên lạc với bà Trần Thị L1 là vợ ông X và nhờ bà L1 đi cùng ông X đến ngân hàng ký hồ sơ, C1 nói dối vợ chồng ông X, bà L1 về thửa đất thế chấp ngân hàng là thửa đất của C1 nên có vấn đề gì xảy ra thì không ảnh hưởng đến vợ chồng ông X, bà L1, đồng thời hứa sẽ cho vợ chồng ông X bà L1 50 triệu đồng khi giúp C1 thực hiện vay thế chấp. Ngày 20/3/2018, vợ chồng ông X, bà L1 đã thực hiện việc lập hợp đồng thế chấp QSD đất với ngân hàng và thực hiện việc công chứng tại Văn phòng C3, thành phố Đ. Sau đó Ngân hàng

TMCP Á hỗ trợ vợ chồng ông X, bà L1 thực hiện việc đăng ký thế chấp đối với tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 930150 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Ngày 21/3/2018, vợ chồng ông X, bà L1 và Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 lập văn bản "Hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN. 16230218" để hoàn tất hồ sơ vay thế chấp, cùng ngày vợ chồng ông X, bà L1 được Ngân hàng TMCP Á giải ngân cho vay số tiền 500 triệu đồng theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 21/3/2018 và ngày 05/4/2018 vợ chồng ông X, bà L1 tiếp tục được Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh L4 giải ngân thêm 700 triệu đồng theo khế ước nhận nợ số 02 ngày 05/4/2018. Như vậy tổng nợ vay tại Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 vào thời điểm này là 1,2 tỷ đồng, toàn bộ số tiền này vợ chồng ông X, bà L1 đưa hết cho Hoàng Thị Bích C1 và được C1 cho lại 20 triệu đồng.

Ngày 13/12/2018, ông X đáo hạn khoản vay 500 triệu đồng, ngày 07/01/2019 ông X tiếp tục đáo hạn lại khoản vay 700 triệu đồng. Ngày 16/9/2019, ông X liên hệ Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 thực hiện việc tất toán khoản vay nêu trên, sau đó theo đề nghị của ông X, ngân hàng đồng ý cho ông X vay lại số tiền 1,2 tỷ đồng. Cùng ngày Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 và ông X đã lập hợp đồng cấp tín dụng số LDO,CN.2176.160919, sau đó ông X được Ngân hàng TMCP Á giải ngân cho vay số tiền là 500 triệu đồng và 700 triệu đồng theo khế ước nhận nợ số 01 và 02. Sau khi được ngân hàng cho vay lại số tiền 1, 2 tỷ đồng, ông X và C1 tiếp tục đóng lãi đến ngày 20/3/2021 thì không tiếp tục đóng lãi, cũng không thanh toán gốc cho Ngân hàng TMCP Á. Tổng số tiền lãi, tiền phạt do đóng lãi chậm đã được C1 và ông X nộp cho Ngân hàng TMCP Á là 211.791.000đ.

Ngày 22/12/2023 Trần Hoàng Anh K là con trai của bị cáo Hoàng Thị Bích C1 đã nộp số tiền là 988.200.000đ khắc phục hậu quả cho bị cáo C1.

Kết quả giám định kết luận: Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AĐ 930150 là thật, hình dấu có nội dung "U.B.N.D HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG" cùng chữ ký mang tên "Trần Văn T2" (Phó chủ tịch UBND huyện L) là hoàn toàn phù hợp với các đặc điểm của tài liệu thật. Nội dung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AĐ 930150 đã bị tẩy xóa, in lại, không xác định được nội dung ban đầu.

Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng Văn X trong các tài liệu gồm: Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, Hợp đồng cấp tín dụng ngày 21/3/2018, Hợp đồng cấp tín dụng ngày 16/9/2019, phụ lục hợp đồng ngày 16/9/2019 và các khế ước nhận nợ giữa ông Hoàng Văn X với Ngân hàng TMCP Á là chữ viết, chữ ký của ông Hoàng Văn X. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên bà Trần Thị L1 trong các tài liệu gồm: Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, Hợp đồng cấp tín dụng ngày 16/9/2018,

Hợp đồng cấp tín dụng ngày 16/9/2019, phụ lục hợp đồng ngày 16/9/2019 giữ vợ chồng ông Hoàng Văn X, bà Trần Thị L1 với Ngân hàng TMCP Á là chữ viết, chữ ký của bà Trần Thị L1.

Vụ thứ 3: Đầu năm 2017, Hoàng Thị Bích C1 đã vay của bà Trần Thị L2, trú tại: G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền 1,2 tỷ đồng, sau khi vay do hoàn cảnh khó khăn C1 chậm trả lãi cho bà L2. Lúc này bà L2 nói có cách giúp C1 có tiền trả nợ và bày cho C1 sử dụng 02 giấy CNQSD đất được cơ quan nhà nước cấp trùng để thế chấp vay vốn ngân hàng, lấy tiền trả nợ và làm ăn. C1 đồng ý làm theo cách của bà L2, theo yêu cầu của bà L2, C1 đã cung cấp bản phô tô giấy CMND, sổ hộ khẩu của gia đình cho bà L2 để bà L2 làm giấy CNQSD đất. Khoảng 10 ngày sau, bà L2 đưa cho C1 02 bản phô tô giấy CNQSD đất đứng tên Hoàng Thị Bích C1 là chủ sử dụng bao gồm: Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AL 170321 do UBND huyện L cấp ngày 07/11/2007, ghi nhận Hoàng Thị Bích C1 là chủ sử dụng 25.370^{m2} đất thuộc thửa số 13, 14, 15, tờ bản đồ số 46 thuộc tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 907998 do UBND huyện L cấp ngày 17/10/2005 ghi nhận Hoàng Thị Bích C1 là chủ sử dụng 670^{m2} đất, thửa số 199, tờ bản đồ số 61 thuộc tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời, C1 được bà L2 dẫn đi chỉ 02 vị trí thửa đất tại thị trấn Đ, huyện L và nói cho C1 biết đây là 02 thửa đất được ghi nhận theo 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên. Sau khi có được bản phô tô 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên, C1 liên hệ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 để nộp hồ sơ đề nghị vay thế chấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 đã cử cán bộ thực hiện việc thẩm định hồ sơ đề nghị vay của C1. Để đối phó với việc nhân viên ngân hàng đi thẩm định tài sản thực tế, C1 đã dẫn nhân viên ngân hàng đến vị trí 02 thửa đất mà bà L2 đã chỉ trước đó và nói dối nhân viên ngân hàng đây là tài sản của C1 và C1 đề nghị được thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền SD đất nêu trên để vay vốn Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 *(tại thời điểm Hoàng Thị Bích C1 cùng chồng là Trần Đức H1 thế chấp 02 giấy CNQSD đất nêu trên để thực hiện hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh L4 ngày 04/12/2017, việc ký kết thực hiện tại phòng G1, thời điểm này trụ sở Ngân hàng làm việc tại D T, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Hiện tại Chi nhánh đã chuyển lên D T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng)*. Do không phát hiện được tài sản thế chấp là giả mạo nên Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 đồng ý cho C1 vay thế chấp bằng 02 tài sản giả mạo theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất nêu trên để vay số tiền 02 tỷ đồng. C1 thông báo lại cho bà L2 biết và được bà L2 đưa lại bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để làm hồ sơ vay thế chấp.

Ngày 04/12/2017, C1 cùng chồng đã sử dụng 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên thực hiện việc công chứng hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 tại Văn phòng C4, thị trấn Đ, huyện L, đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Sau đó C1 cùng chồng liên hệ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 nộp hồ sơ đề nghị vay thế chấp và ký kết các tài liệu liên quan đến việc vay thế chấp với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 (hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, giấy nhận nợ). Sau khi hoàn tất hồ sơ vay, C1 và chồng được Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4 cấp tín dụng cho vay số tiền 02 tỷ đồng. Số tiền vay được, C1 sử dụng trả nợ cho bà L2 1,2 tỷ đồng, trả 600.000.000đ chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L2, còn lại 200.000.000đ C1 sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Sau khi vay thế chấp, C1 thanh toán đầy đủ tiền lãi và tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4. Đến ngày 20/12/2022, C1 đã thực hiện việc tất toán khoản vay trên với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh L4.

Kết quả giám định kết luận: Chữ ký mang họ tên "Trần Văn T2", " Nguyễn Tiến D" trên giấy chứng nhận QSDĐ đề số hiệu AL 170321 và giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu AD 907998 với chữ ký của ông Trần Văn T2 (Nguyên Phó chủ tịch UBND huyện L) và chữ ký của ông Nguyễn Tiến D (Nguyên Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L) là do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D HUYỆN LÂM HÀ - TỈNH LÂM ĐỒNG" trên Giấy chứng nhận QSD đất đề số hiệu AL 170321 và giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu AD 907998 với mẫu dấu của UBND huyện L (do Cơ quan CSĐT - Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thu thập) là do cùng một con dấu đóng ra. Giấy chứng nhận QSDĐ đề số hiệu AL 170321 và giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu AD 907998 bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung tại mục: "I- Tên người sử dụng đất; "II- thửa đất được quyền sử dụng"; "V- Sơ đồ thửa đất". Không xác định được nội dung ban đầu.

Mặc dù khoản vay 02 tỷ đồng đã được tất toán nhưng việc bị cáo Hoàng Thị Bích C1 sử dụng các Giấy chứng nhận QSDĐ giả số hiệu AL 170321 và AD 907998 thế chấp tài sản giả mạo vay 02 tỷ đồng của Ngân hàng TMCP N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, ngày 25/6/2024 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L đã ban hành Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 1421 đối với bị cáo Hoàng Thị Bích C1.

Như vậy với 03 lần thực hiện hành vi gian dối, tổng số tiền bị cáo Hoàng Thị Bích C1 chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4, phòng G, Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 và Ngân hàng N – Chi nhánh L4 là 3,9 tỷ đồng. Bị cáo Đèo Ngọc Thông đồng P với Hoàng Thị Bích C1 trong việc chiếm

đoạt số tiền 700 triệu đồng của Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh L4, phòng G với số tiền là 700 triệu đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Đèo Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đèo Ngọc T mức án 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo Hoàng Thị Bích C1, về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bị cáo Đèo Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 10/10/2024, bị hại Ngân hàng TMCP Á kháng cáo phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Đèo Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khai nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Ngân hàng TMCP Á, có người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Đức H trình bày: vẫn giữ nguyên kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: buộc vợ chồng ông X, bà L1 trả cho A3 số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 2.235.598.120 đồng (trong đó gốc 1.199.999.994 đồng, lãi trong hạn 71.723.836 đồng, lãi quá hạn 819.143.014 đồng, phạt chậm trả lãi 144.731.276 đồng), và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, buộc bị cáo C1 bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tương ứng với giá trị nghĩa vụ bảo đảm nêu trong Hợp đồng thế chấp số LDO.BĐCN.08.230218 (vô hiệu), trong đó Ngân hàng TMCP Á được nhận số tiền 988.200.000 đồng mà con trai bị cáo C1 đã nộp tại Cơ quan thi hành án để trừ vào trách nhiệm bồi thường của bị cáo C1 với Ngân hàng TMCP Á.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Xét kháng cáo của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và giảm 01 (một) năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức". Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á, thấy rằng Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp là vô hiệu, gia đình bị cáo C1 đã bồi thường thiệt hại cho ngân hàng nên nội dung kháng cáo không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt áp dụng đối với bị cáo T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có 2 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội nhưng không được hưởng lợi, đặc biệt là bị cáo đã tự nguyện bán tài sản để khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T để bị cáo có cơ hội quay lại với gia đình và xã hội.

Phạm nhân Hoàng Thị Bích C1 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Đèo Ngọc T và bị hại Ngân hàng TMCP Á trong hạn, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đèo Ngọc T:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đèo Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Tháng 10/2017 Hoàng Thị Bích C1 đã cùng Đèo Ngọc T sử dụng giấy CNQSD đất giả số hiệu AD 907981, để thế chấp, lừa đảo chiếm đoạt 700 triệu của Ngân hàng TMCP X1. Bị cáo Đèo Ngọc T biết rõ bản thân không phải là người quản lý, sử đụng đất, không được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất (số hiệu AD 907981), nhưng vì có mối quan hệ tình cảm trong gia đình với bị cáo C1 nên T đã giúp C1 thực hiện hành vi sử dụng Giấy chứng nhận QSD đất giả số hiệu AD 907981, thế chấp tài

sản giả mạo, lừa đảo chiếm đoạt số tiền 700 triệu đồng của Ngân hàng TMCP X1.

Do tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo C1 và T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hoàng Thị Bích C1, Đèo Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá vai trò của bị cáo như sau: Trong vụ án này, bị cáo C1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là chủ mưu, bị cáo T là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C1 chiếm đoạt của bị hại Ngân hàng TMCP X1 số tiền 700 triệu đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T thành khẩn khai báo, đã tự mình khắc phục toàn bô hậu quả nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo cung cấp thêm một số giấy khen của chính quyền địa phương trong công tác từ thiện, chống dịch, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm các bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại, sau đó mới khắc phục hậu quả và phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Đèo Ngọc T mức án 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, tương xứng với tính chất, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, đối với mức hình phạt 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức" mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương đối nghiêm khắc. Bởi vì, Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AD 907981 là thật, không bị cắt ghép, hình dấu có nội dung "U.B.N.D HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG" cùng chữ ký mang tên "Trần Văn T2" (Phó chủ tịch UBND huyện L) là hoàn toàn phù hợp với các đặc điểm của tài liệu thật. Cho nên chỉ có bị cáo C1 và chồng mới biết đây là tài liệu giả, còn bị cáo T không thể biết được; bị cáo tuy là đồng phạm, có vai trò giúp sức vì tin tưởng vợ chồng bị cáo C1 là anh chị vợ; bị cáo C1 là người quyết định sử dụng giấy tờ giả để làm hồ sơ vay ngân hàng, trực tiếp chiếm đoạt số tiền lừa đảo, bị cáo không có hưởng lợi, sau khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện bán tài sản để khắc phục toàn

bộ số tiền đã chiếm đoạt, đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Ngân hàng TMCP Á:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo C1 và vợ chồng ông X, bà L1 cho thấy: Sau khi bàn bạc, thống nhất H là người liên hệ mua giấy CNQSD đất giả, C1 là người đề nghị ông X đứng tên dùm tài sản theo giấy CNQSD đất giả, để ông X tin tưởng, C1 nói dối ông X về việc vợ chồng C1 có nhiều tài sản nên nhờ ông X đứng tên dùm một thửa đất, chính là thửa đất ông X đang làm công cho C1 tại xã P, huyện L. Do là quan hệ chú cháu và tin tưởng vào những nội dung mà C1 cung cấp là thật nên ông X đồng ý với đề nghị của C1, theo yêu cầu của C1, ông X đưa giấy CMND của ông X cho C1 và C1 đưa lại cho H để lấy thông tin đưa cho đối tượng làm giả giấy CNQSD đất giả, sau đó H mang về một Giấy chứng nhận QSD đất giả đề số hiệu AD 930150 do Hoàng Văn X đứng tên, chủ sử dụng 68. 452m ^{2} tại thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi có giấy chứng nhận QSD đất, C1 cho ông X xem và đề nghị ông X thực hiện việc thế chấp giấy chứng nhận vay vốn tại Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 để vay 1, 2 tỷ đồng. Trong quá trình thẩm định hồ sơ vay thế chấp, C1 hướng dẫn ông X đưa nhân viên ngân hàng vào thửa đất ông X đang làm công cho gia đình C1 tại xã P, huyện L để thực hiện việc thẩm định tài sản thế chấp. Thửa đất này tại thời điểm thẩm định thì C1 đang nhờ Đèo Ngọc T đứng tên chủ sử dụng và đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng B - Phòng G. Theo chỉ dẫn của C1, ông X đã dẫn nhân viên Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh L4 đến thửa đất nêu trên và nói đây là đất của ông X để cho nhân viên ngân hàng thực hiện việc thẩm định tài sản thế chấp.

Kết quả giám định kết luận: Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AĐ 930150 là thật, hình dấu có nội dung "U.B.N.D HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG" cùng chữ ký mang tên "Trần Văn T2" (Phó chủ tịch UBND huyện L) là hoàn toàn phù hợp với các đặc điểm của tài liệu thật. Nội dung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AĐ 930150 đã bị tẩy xóa, in lại, không xác định được nội dung ban đầu. Bên cạnh đó, thửa đất này tại thời điểm thẩm định thì bị cáo C1 đang nhờ Đèo Ngọc T đứng tên chủ sử dụng và đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng B - Phòng G. Do đó, Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AĐ 930150 mà vợ chồng ông X, bà L1 thế chấp cho Ngân hàng TMCP Á là giả, không có giá trị để công nhận như yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, từ đó tuyên buộc bị cáo Hoàng Thị

Bích C1 bồi thường số tiền 1,2 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Á, số tiền 1,2 tỷ đồng này được trừ vào số tiền 211.791.000đ và số tiền 988.200.000đ mà ông Trần Hoàng Anh K (con trai bị cáo C1) đã bồi thường tại giai đoạn điều tra nên cần giao số tiền này cho bị hại Ngân hàng Á là phù hợp. Đối với số tiền lãi 1.035.597.000đ mà Ngân hàng TMCP Á yêu cầu bị cáo C1 bồi thường nhưng không có căn cứ bởi lẽ Hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP Á với ông X, bà L1 là vô hiệu nên cần buộc bị cáo C1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngân hàng TMCP Á kháng cáo nhưng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ gì khác làm thay đổi bản chất vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Ngân hàng TMCP Á.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đèo Ngọc T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đèo Ngọc T.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Đèo Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đèo Ngọc T mức án 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt bị cáo Đèo Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (bảy) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao số tiền 988.200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0003505 ngày 01/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng cho Ngân hàng TMCP Á.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Bị cáo Đèo Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên **Đinh Ngọc Thu Hương** **Nguyễn Đắc Minh**